TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **160**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 5 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Minh.

Bà Nguyễn Kim Lên.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/4/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Mỹ T, sinh năm 1986.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T1, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2023 và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2015 chị T và anh T1 tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 20/4/2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 51/2015). Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bảo T2, sinh 17/3/2015 và Nguyễn Bích T3, sinh 05/02/2009. Về tài sản chung và nợ chung không có. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không phù hợp, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

Chị T yêu cầu ly hôn với anh T1. Về con chung yêu cầu được nuôi, yêu cầu cấp dưỡng cho mỗi con chung, mỗi tháng 750.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:*

[3.1.1] Mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3.1.2] Xét thấy trong cuộc sống hôn nhân chị T và anh T1 chỉ vì quan điểm sống cá nhân của mỗi bên, mà lại làm cho mối quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc; quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh T1 hai lần để tham gia hòa giải, nhưng anh T1 đều không đến, đồng thời chị T cũng có đơn xin vắng mặt và cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T1, nên có căn cứ xác định được chị T và anh T1 không còn quan tâm gì đối với mối quan hệ hôn nhân này và giữa đôi bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng với nhau, nên dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 51/2015 ngày 20/4/2015 của Ủy ban nhân dân xã L hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] *Về con chung:*

[3.2.1] Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy sau khi ly hôn chị T và anh T1 không có thỏa thuận người trực tiếp nuôi con. Các cháu Nguyễn Thị Bảo T2 và cháu Nguyễn Bích T3 hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dạy và đã từ đủ 07 tuổi trở lên và sau khi ghi nhận ý kiến thì các cháu có nguyện vọng được sống với chị T, đồng thời chị T không thuộc T1 hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dạy con, do đó cần giao các cháu cho chị T trực tiếp nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh T1 có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị T; nếu anh T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3.2.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Các con chung giữa chị T và anh T1 được giao cho chị T trực tiếp nuôi dạy, theo quy định của pháp luật thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị T yêu cầu cấp dưỡng cho mỗi con mỗi tháng 750.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định thì mức cấp dưỡng không được thấp hơn 50% mức lương cơ bản (lương cơ bản hiện nay 1.490.000 đồng), nên mức cấp dưỡng mỗi tháng 750.000 đồng đối với mỗi con chung theo yêu cầu của chị T là phù hợp. Do đó, cần buộc anh T1 cấp dưỡng cho cháu T2 và cháu T3 mỗi cháu mỗi tháng là 750.000 đồng và phương thức cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo định quy định là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị T cho rằng tài sản chung và nợ chung không có, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T1 về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên không có căn cứ làm rõ và xem xét phần tài sản chung và nợ chung giữa chị T và anh T1. Do đó, cần tách phần tài sản chung và nợ chung ra, T1 hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh T1 phải chịu án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Mỹ T.

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Mỹ T ly hôn với anh Nguyễn Minh T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 51/2015 ngày 20/4/2015 của Ủy ban nhân dân xã L hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung:

+ Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho chị Trần Mỹ T trực tiếp nuôi dạy cháu Nguyễn Thị Bảo T2, sinh 17/3/2015 và cháu Nguyễn Bích T3, sinh 05/02/2009. Anh Nguyễn Minh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, anh T1 có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với chị T; nếu anh T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Buộc anh Nguyễn Minh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Thị Bảo T2, sinh 17/3/2015 và cháu Nguyễn Bích T3, sinh 05/02/2009 mỗi cháu mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo quy định của pháp luật. Phương thức cấp dưỡng: 01 tháng cấp dưỡng 01 lần, thời gian cấp dưỡng tính kể từ ngày 26/5/2023. Khi có lý do chính đáng và có yêu cầu thì mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Kể từ ngày chị Trần Mỹ T có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Nguyễn Minh T1 chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, thì anh Nguyễn Minh T1 còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Mỹ T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị Trần Mỹ T đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006347 ngày 13/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

Anh Nguyễn Minh T1 phải nộp án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng (Chưa nộp).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T1 hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Trương Huỳnh Hải